TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2026/HC-PT
Ngày 30-3-2026

V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026tại trụ sở Tòa thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2025/TLPT-HC ngày 17 tháng 12 năm 2025 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 673/2025/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 195/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 211/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 325/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2026; giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lương Thị B, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Duy Q, sinh năm 1994; địa chỉ: L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), (có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện X;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã B, huyện X. Địa chỉ: Ấp L, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lương Thị B là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện và đại diện ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Khoảng đầu năm 1990, ông Nguyễn Đức Â (em chồng bà B) có khai phá thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35, diện tích khoảng 223,5m^2 thuộc tổ A, ấp T, xã B, huyện X; đất có tứ cận như sau: phía Đông giáp đường H, phía Tây và phía Nam giáp đất do UBND xã quản lý, phía Bắc giáp đất ông Â. Quá trình sử dụng ông Nguyễn Đức Â có biên lai nộp thuế nhà, đất cho Nhà nước vào các năm 1995 và 1996. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn: không có nhà, không có nghề nghiệp, gia đình đông con..., năm 2001, ông Nguyễn Đức Â có xây 01 căn nhà tường gạch, mái tôn, nền xi măng diện tích khoảng 32m^2 trên diện tích đất nêu trên (theo Biên bản xác định hiện trang sử dụng trên đất ngày 22/11/2004 đã được UBND xã B ký xác nhận) và cho bà B. Do không có việc làm nên bà có dựng tạm 01 căn nhà ở ven đường và mở quán bán nước hàng ngày. Quá trình sinh sống, bà B đã đóng thuế nhà, đất cho Nhà nước theo quy định (hiện tại bà chỉ còn giữ được 03 Biên lai thuế nhà, đất vào các năm 2007, 2009 và năm 2010). Đến năm 2013 bà đã làm đơn gửi UBND xã B đề nghị xin được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, đồng thời cũng có đơn xin xác nhận nhà, đất hợp pháp và UBND xã B cũng đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất. Do nhu cầu về giao thông, Nhà nước mở rộng đường Tỉnh lộ 994 và UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 thu hồi diện tích 64,6m^2, bao gồm cả quán nước. Cùng ngày UBND huyện X ban hành Quyết định số 3552/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nhưng không bồi thường, hỗ trợ cho bà B với lý do là đất thuộc đất công. Bà B không đồng ý Quyết định số 3552/QĐ-UBND, bởi:

- Bà chưa bao giờ nhận được thông báo hoặc quyết định nào của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho là thửa đất đang sử dụng là đất công.

- Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35 bà sử dụng có nguồn gốc ổn định, rõ ràng và do ông Nguyễn Đức Â khai phá từ những năm 1990. Ông Â có đóng thuế nhà đất cho Nhà nước theo Biên lai nộp thuế nhà, đất vào các năm 1995, 1996. Ngoài ra vào ngày 22/11/2004, UBND xã B cũng đã xác nhận tình trạng nhà đất của ông Â tại Biên bản xác định hiện trạng sử dụng đất ngày 22/11/2004.

- Từ khi sinh sống trên đất, bà cũng tiếp tục đóng thuế nhà, đất vào các năm 2007, 2009, năm 2010; năm 2013 bà có đơn xin xác nhận nhà, đất hợp pháp và UBND xã B đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất.

Bà B yêu cầu khởi kiện như sau:

Tuyên hủy Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà Lương

Thị B để thu hồi đất giao cho Ban lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh đầu tư, xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng lộ 994 đoạn từ Khu D đến Quốc lộ E, xã B, huyện X.

Buộc UBND huyện X (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch UBND xã B) phải bồi thường, hỗ trợ cho bà Lương Thị B khoản tiền sau: Bồi thường tiền giá trị đất thu hồi là 64,6m^2 theo giá đất ở tại nông thôn theo quy định của Nhà nước. Bồi thường giá trị công trình xây dựng trên đất theo biên bản kiểm đếm, đồng thời hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời công trình, cây cối, hoa màu trên phần đất bị giải toả; hỗ trợ tiền học nghề, chuyển đổi nghề do mất thu nhập, không còn nơi buôn bán.

UBND nhân dân huyện X (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) tại Văn bản số 1811/UBND TNMT ngày 07/3/2025 trình bày:

1. Quá trình thu hồi đất

Ngày 24/4/2024, UBND huyện X ban hành Quyết định số 3484/QĐ-UBND v/v thu hồi đất của bà Lương Thị B diện tích 64,6m^2 tại xã B để thực hiện công trình: Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 994 (đoạn từ Khu D đến Q, xã B) và ban hành Quyết định số 3552/QĐ-UBND v/v phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Lương Thị B. Tuy nhiên, do đất và tài sản có trên đất thu hồi không đủ điều kiện bồi thường nên UBND Huyện không phê duyệt kinh phí bồi thường để chi trả (thành tiền là 0 đồng).

2. Cơ sở, căn cứ và pháp lý để thu hồi đất và bồi thường đất

Ngày 13/3/2023, UBND huyện X ban hành Thông báo số 79/TB- UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án: Nâng cấp, mở rộng TL 994 đoạn từ Khu D đến Q xã B, huyện X. Ngày 08/5/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện X, tài sản, vật kiến trúc và cây trái hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi 64,6m^2 thuộc thửa số 281 tờ bản đồ số 35 xã B. Ngày 03/4/2024, UBND xã B lập biên bản họp xét nguồn gốc sử dụng đất, tính pháp lý về đất và các chính sách cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng TL 994 đoạn từ Khu D đến Q xã B, huyện X. Ngày 24/4/2024, UBND huyện X ban hành Quyết định số 3484/QĐ-UBND v/v thu hồi đất của bà Lương Thị B diện tích 64,6m^2 và Quyết định số 3552/QĐ-UBND v/v phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Lương Thị B.

Diện tích 64,6m^2 thuộc thửa số 281 tờ bản đồ số 35 xã B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc đất công do UBND xã B quản lý.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh B sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu, hồi đất và Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh B ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 (01/01/2020 - 31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, việc UBND huyện X ban hành Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 về việc phê duyệt

kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Lương Thị B là đúng quy định pháp luật. Người bị kiện giữ nguyên quyết định nên trên, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 673/2025/HC-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị B về việc:

Hủy Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyệnXuyên Mộc về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bàLương Thị B1 để thu hồi đất giao cho B2 lý dự án chuyên ngành giao tỉnh đầu tư, xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng lộ 994 đoạn từ Khu D đến Quốc lộ E, xã B, X

Buộc UBND huyện X (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố: Chủ tịch UBND xã B) phải bồi thường, hỗ trợ cho bà Lương Thị B những khoản tiền sau:

+ Bồi thường tiền giá trị đất thu hồi là 64,6m^2 theo giá đất ở tại nông thôn theo quy định của Nhà nước.

+ Bồi thường tiền giá trị công trình xây dựng trên đất (theo biên bản kiểm đếm). Đồng thời hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời công trình, cây cối, hoa màu trên phần đất bị giải tỏa.

+ Hỗ trợ tiền học nghề, chuyển đổi nghề do mất thu nhập (không còn nơi kinh doanh buôn bán).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2025, ông Huỳnh Duy Q là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Duy Q là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Huỳnh Duy Q là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị B.

Nguồn gốc đất 64,6m^2 bị thu hồi của bà B đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35 nằm trong tổng diện tích 238.729m^2, loại đất Hg/b, sổ mục kê thể hiện UBND xã B đứng tên sử dụng đất, là đất công do UBND

xã B quản lý qua các thời kỳ từ 1997, 2005, không thể hiện cá nhân nào được Nhà nước cho thuê, giao đất và sử dụng đất. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 về những trường hợp được bồi thường quyền sử dụng đất thì bà B không có giấy tờ sử dụng đất hợp pháp, đất đang sử dụng do UBND xã B quản lý nên không đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường quyền sử dụng đất và công trình trên đất. UBND huyện X không bồi thường cho bà B là phù hợp. Việc bà B cho rằng diện tích đất này do gia đình ông Â khai phá, sử dụng sau đó để lại cho bà, bà sử dụng đất liên tục cho đến nay, tuy nhiên bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Â khai phá, sử dụng đất từ năm 1990 và được chính quyền địa phương xác nhận. Đối với biên lai thu thuế nhà, đất không thể hiện được diện tích đóng thuế là bao nhiêu mét vuông, thuộc số tờ, số thửa nào đối với diện tích đất tranh chấp trong vụ án. Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà B, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 03/6/2024 bà Lương Thị B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 và buộc Chủ tịch UBND xã B bồi thường tiền giá trị đất thu hồi theo giá đất ở tại nông thôn, tiền giá trị công trình xây dựng trên đất (theo biên bản kiểm đếm), hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời công trình, cây cối, hoa màu trên phần đất bị giải tỏa, hỗ trợ tiền học nghề, chuyển đổi nghề do mất thu nhập.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Duy Q là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo hồ sơ địa chính năm 1997 xã B được UBND xã B xác nhận ngày 13/5/1997 và Sở Địa chính xác nhận ngày 26/5/1997: Diện tích 64,6m^2 đất thu hồi của bà B đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35 nằm trong tổng diện tích 238.729m^2, loại đất Hg/b, sổ mục kê thể hiện UBND xã B đứng tên sử dụng đất, là đất công do UBND xã B quản lý.

[2.2] Theo hồ sơ địa chính năm 2005 xã B xác nhận năm 2005: Diện tích 64,6m^2 đất thu hồi của bà B đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35 nằm trong tổng diện tích điều chỉnh 235.008m^2, loại đất Hg/b, sổ mục kê thể hiện UBND xã B đứng tên sử dụng đất, là đất công do UBND xã B quản lý.

[2.3] Về nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất: Thửa đất số 281 tờ số 35 nằm trong kết luận thanh tra số 16/KL-TTr ngày 29/11/2021 của Thanh tra tỉnh về việc quản lý, sử dụng đất công tại xã B, huyện X. Theo Biên bản xét nguồn gốc sử dụng đất, tính pháp lý về đất thu hồi ngày 03/4/2024 thể hiện đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là đất công do UBND xã B quản lý.

Theo Biên bản kiểm đếm ngày 08/5/2023 thể hiện trên đất có 01 bảng hiệu, nhà tạm loại 2, mái che tôn nền bê tông xi măng, nhà xưởng loại 3, hàng rào móng đá, vách tôn áp mái che, cầu thang, đồng hồ điện 01 cái, đồng hồ nước 01 cái; tài sản trên đất được xây dựng năm 2000.

[2.4] Về yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất: Thửa đất 281 có nguồn gốc là đất công do Nhà nước quản lý. Việc bà B cho rằng diện tích đất này do gia đình ông Â khai phá, sử dụng sau đó để lại cho bà, bà sử dụng đất liên tục cho đến nay, tuy nhiên bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Â khai phá, sử dụng đất từ năm 1990 và được chính quyền địa phương xác nhận. Việc sử dụng đất không bị xử phạt vi phạm hành chính không phải là căn cứ xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của bà B. Thửa đất mà bà B sử dụng và xây dựng nhà là đất công do UBND xã quản lý, chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất. Bà B không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được thời điểm sử dụng đất. Đối với biên lai thu thuế nhà, đất không thể hiện được diện tích đóng thuế là bao nhiêu mét vuông, thuộc số tờ, số thửa nào đối với diện tích đất tranh chấp trong vụ án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất và Khoản 4 Điều 82 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Bà B sử dụng đất công do Nhà nước quản lý, không đăng ký kê khai theo định pháp luật, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện bồi thường khiNhà nước thu hồi đất theo Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

UBND huyện X xác định diện tích 64,4m^2 đất thuộc một phần 281 tờ bản đồ số 35 là đất công do UBND xã B quản lý, không đủ kiện bồi thường là có cơ sở.

[2.5] Về yêu cầu bồi thường công trình trên đất, hỗ trợ tiền tháo dỡ di, hỗ trợ tiền học nghề, chuyển đổi nghề do mất thu nhập:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định về hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất: Toàn bộ công trình xây dựng trên đất được tạo lập trên đất công của N1. Đất công do UBND xã B quản lý, do đó bà B không đủ điều để được bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất; không đủ điều kiện để được hỗ trợ tiền tháo dỡ di dời, hỗ trợ tiền học nghề, chuyển đổi nghềdo mất thu nhập.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Huỳnh Duy Q là người đại diện theo

uỷ quyền của bà Lương Thị B không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Duy Q là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lương Thị B là người cao tuổi, được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Toà án nhân dân số: 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Toà án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số: 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao về việc thành lập các Toà Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, Cơ quan báo chí của Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Duy Q là người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị B về việc:

Hủy Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện Xuyên Mộc về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bàLương Thị B1 để thu hồi đất giao cho B2 lý dự án chuyên ngành giao tỉnh đầu tư, xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng lộ 994 đoạn từ Khu D đến Quốc lộ E, xã B, X

Buộc UBND huyện X (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã B) phải bồi thường, hỗ trợ cho bà Lương Thị B những khoản tiền sau:

+ Bồi thường tiền giá trị đất thu hồi là 64,6m^2 theo giá đất ở tại nông thôn theo quy định của Nhà nước.

+ Bồi thường tiền giá trị công trình xây dựng trên đất (theo biên bản kiểm

đếm). Đồng thời hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời công trình, cây cối, hoa màu trên phần đất bị giải tỏa.

+ Hỗ trợ tiền học nghề, chuyển đổi nghề do mất thu nhập (không còn nơi kinh doanh buôn bán).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Lương Thị B.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Lương Thị B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (TTPT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Thu Hương